

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **139/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 9 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Phạm Thanh Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1984;

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1989;

Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng H tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/10/2015. Vợ chồng sống chung đến năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Đến đầu năm 2022, vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà H có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Anh H1, sinh ngày 03/9/2015 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/5/2021. Nay ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ghi ngày 21/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đến tháng 01/2022 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, làm cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bản thân bà hiện không mang thai và không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Nguyễn Văn P có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Anh H1, sinh ngày 03/9/2015 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/5/2021. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và bà đồng ý giao cháu Hòa cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Anh H1, sinh ngày 03/9/2015 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/5/2021 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con do bên còn lại không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Hồng H cư trú tại Ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H và giải quyết việc nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Ông P khởi kiện đối với bà H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông P là nguyên đơn, bà H là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 28 tháng 10 năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi ông P yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Trong thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau do bất đồng quan điểm. Từ tháng 01/2022, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà H cũng đồng ý ly hôn với ông P. Tuy nhiên, do các đương sự làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Anh H1, sinh ngày 03/9/2015 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/5/2021. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của ông P được bà H chấp nhận. Thêm vào đó, cháu H1 có nguyện vọng sống với ông P, còn cháu K

hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, giao cháu H1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng pháp luật. Các đương sự không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông P và bà H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Anh H1, sinh ngày 03/9/2015 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/5/2021. Giao cháu H1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai

thu số 0001180 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ông P đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 85 ngày 28/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam